

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 12 - 2020

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Ngọc K, sinh năm 1999. Địa chỉ: khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh B, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996. Địa chỉ thường trú: Khu phố Chánh Lộc 6, phường C, thành phố T, tỉnh B. Địa chỉ liên lạc: Khu phố 5, phường T, thành phố T, tỉnh B, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 14/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc K trình bày:** Bà Đinh Thị Ngọc K và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B vào ngày 11/4/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt rồi kiếm chuyện gây gỗ, dùng bạo lực với bà, thậm chí đe dọa đến tính mạng của bà K. Đã nhiều lần bà K nói chuyện và khuyên can ông T nên thay đổi để cùng nhau xây dựng hạnh phúc nhưng ông T đã không thay đổi. Do không thể tiếp tục sống chung nhau nên bà K đã dọn về sinh sống với gia đình tại tỉnh B, còn ông T vẫn sống chung với cha mẹ của ông T tại

phường Tân An. Nay bà K nhận thấy tình cảm dành cho ông T không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà K và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: CMND, sổ hộ khẩu của bà K (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chứng thực; Đơn xin giải quyết vắng mặt (bản chính).

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:** Ông T và bà K tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B vào ngày 11/4/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do ông T đi làm về nhưng bà K không những không thông cảm mà còn kiếm chuyện với ông T, trong lúc nóng giận ông có đánh bà K. Khoảng 03 tháng nay vợ chồng đã sống ly thân, bà K đã dọn về gia đình bà K tại tỉnh B sinh sống, còn ông T vẫn sống chung với cha mẹ tại phường T. Mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, ông và gia đình ông T đã nhiều lần khuyên bà K quay về để vợ chồng tiếp tục đoàn tụ nhưng bà K không đồng ý nên ông có níu kéo cũng không hạnh phúc. Do đó, qua yêu cầu ly hôn của bà K ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Đơn xin giải quyết vắng mặt (bản chính).

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng. Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng

xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại phường C, thành phố T, tỉnh B vào ngày 11/4/2017 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn bà K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt rồi kiếm chuyện gây gổ, dùng bạo lực với bà, thậm chí đe dọa đến tính mạng của bà K. Do không thể tiếp tục sống chung nhau nên vợ chồng bà đã sống ly thân, tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Phía bị đơn ông T cũng xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân 03 tháng nay nên qua yêu cầu ly hôn của bà K thì ông T đồng ý.

Xét thấy: Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà K và ông T cũng thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nên hai bên thống nhất ly hôn. Do vậy, việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà K và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc K đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Ngọc K được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2017, do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B cấp cho bà Đinh Thị Ngọc K và ông Nguyễn Thanh T ngày 11/4/2017).

- Về con chung: Bà Đinh Thị Ngọc K và ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị Ngọc K và ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị Ngọc K phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016-0050445 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Ủy ban nhân dân phường C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

